Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển
GV: Lê Thị Hoan
Ngày soạn: 21/11/2026
Tiết PPCT 23

BÀI 11: CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ

(Thời gian thực hiện: 1 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Phân tích được ý nghĩa của sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nước ta.
- Chứng minh và giải thích được sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nước ta theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.
- Nêu và đánh giá được vai trò của mỗi thành phần kinh tế trong nền kinh tế đất nước hiện nay.
- Vẽ được biểu đồ, phân tích biểu đồ và số liệu thống kê liên quan đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

2. Năng lực:

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học: vận dụng kiến thức về cơ cấu kinh tế đã học ở lớp 10, thông qua việc thu thập thông tin và trình bày về sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam.

+ Giao tiếp và hợp tác: lựa chọn được nội dung, cách giao tiếp phù hợp khi làm việc với bạn bên cạnh.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được các vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết.

- Năng lực đặc thù:

+ Nhận thức khoa học Địa lí: giải thích được sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của nước ta theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở nước ta.

+ Tìm hiểu địa lí: sử dụng biểu đồ, bảng số liệu để trình bày sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, ứng dụng công nghệ thông tin để thu thập thông tin về chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở nước ta.

+ Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

3. Phẩm chất:

- Yêu nước: Học sinh thấy được sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nước ta theo hướng tích cực và những thành tựu do sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng đắn mang lại.
- Trung thực: trung thực trong học tập, thẳng thắn thảo luận, góp ý, nhận xét.
- Chăm chỉ: nỗ lực học tập để đáp ứng xu thế giai đoạn chuyển dịch cơ cấu kinh tế đất nước hiện nay và trong tương lai.
- Trách nhiệm: Có trách nhiệm đóng góp vào sự phát triển kinh tế của đất nước, của địa phương.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Máy tính, TV.
- Bản đồ kinh tế chung.
- Tranh ảnh và thông tin liên quan đến các hoạt động kinh tế của Việt Nam.
- SGK Địa lí 12.

2. Học sinh

SGK Địa lí 12.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. Ổn định lớp

B. Bài mới

1. Hoạt động 1: Hoạt động mở đầu

a) Mục tiêu:

- Gợi mở nội dung bài học mới.
- Tạo hứng thú cho HS trước khi bước vào tiết học.

b) Nội dung: GV sử dụng các biểu đồ, hình ảnh thể hiện thành tựu kinh tế đất nước thời gian qua, đặt câu hỏi cho HS: *Những hình ảnh trên cho biết thành tựu gì của nền kinh tế đất nước ta thời gian qua?*

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS (Tăng trưởng kinh tế khá cao, cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, chất lượng cuộc sống của người dân được nâng lên).
d) Tổ chức thực hiện: GV thực hiện phương pháp trực quan.
– Bước 1: GV yêu cầu HS quan sát biểu đồ, hình ảnh tả lời câu hỏi: *Những hình ảnh trên cho biết thành tựu gì của nền kinh tế đất nước ta thời gian qua?*
– Bước 2: HS huy động hiểu biết của bản thân, tìm câu trả lời.
– Bước 3: Một số HS trả lời, các HS khác nhận xét, bổ sung.
– Bước 4: GV chốt kiến thức, từ câu trả lời của HS dẫn dắt vào bài mới.

2. Hoạt động 2: Hoạt động hình thành kiến thức mới

2.1. Tìm hiểu ý nghĩa của sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nước ta

a) Mục tiêu: Phân tích được ý nghĩa của sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nước ta.
b) Nội dung: GV yêu cầu HS đọc SGK: *Phân tích ý nghĩa của sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nước ta.*
c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

SẢN PHẨM DỰ KIẾN
I. Ý nghĩa của sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế - Phát huy các lợi thế so sánh, khai thác và sử dụng hợp lí các nguồn lực của đất nước, tái cơ cấu nền kinh tế theo hướng hiệu quả hơn. - Tạo nên các phương thức quản lí mới, hiện đại. Qua đó, nâng cao trình độ lao động, tăng năng suất và hiệu quả lao động, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của dân cư. - Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; góp phần đẩy nhanh quá trình hội nhập với khu vực và thế giới.

d) Tổ chức thực hiện: GV thực hiện phương pháp đàm thoại.
– Bước 1: GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân: *Phân tích ý nghĩa của sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nước ta.*
– Bước 2: HS đọc SGK tìm câu trả lời.
– Bước 3: GV gọi đại diện HS trả lời, các HS khác nhận xét, bổ sung.
– Bước 4: GV đánh giá và tổng kết nội dung.

2.2. Tìm hiểu chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa

a) Mục tiêu:
- Chứng minh và giải thích được sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nước ta theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.
- Nêu và đánh giá được vai trò của mỗi thành phần kinh tế trong nền kinh tế đất nước hiện nay.
- Phân tích biểu đồ và số liệu thống kê liên quan đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

b) Nội dung: HS trả lời câu hỏi:
- *Chứng minh và giải thích sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành, theo thành phần kinh tế, theo lãnh thổ ở nước ta.*
- *Đánh giá vai trò của các thành phần kinh tế trong nền kinh tế đất nước hiện nay.*

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

SẢN PHẨM DỰ KIẾN
II. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa **1. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành** - Sự chuyển dịch chung: giảm tỉ trọng nhóm ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản; tăng tỉ trọng nhóm ngành công nghiệp và xây dựng, dịch vụ. Công nghiệp trở thành động lực chính trong tăng trưởng kinh tế của đất nước. - Trong mỗi nhóm ngành: tăng tỉ trọng các ngành có hiệu quả kinh tế và hàm lượng khoa học - công nghệ cao, giảm tỉ trọng của các ngành có hiệu quả kinh tế thấp, sử dụng nhiều tài nguyên và lao động. + Trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản: tăng tỉ trọng ngành thuỷ sản, giảm tỉ trọng ngành nông nghiệp. Giá trị các sản phẩm nông nghiệp được nâng cao qua việc liên kết với công nghiệp chế biến, các dịch vụ nông nghiệp, theo chuỗi giá trị: sản xuất – chế biến – tiêu thụ. + Trong công nghiệp: giảm tỉ trọng nhóm ngành công nghiệp khai khoáng, tăng tỉ trọng nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo. Những ngành ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường được chú trọng; công nghiệp xanh, công nghiệp hỗ trợ từng bước được hình thành và phát triển.

+ Trong ngành dịch vụ: phát triển theo hướng đa dạng, dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, tăng cường chuyển đổi số.

- Nguyên nhân:

+ Đó là kết quả của công cuộc Đổi mới, thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước của Nhà nước;

+ Sự tác động của khoa học – công nghệ và hội nhập quốc tế.

2. Chuyển dịch theo thành phần kinh tế

- Sự chuyển dịch: giảm tỉ trọng của kinh tế Nhà nước, tăng tỉ trọng của kinh tế ngoài Nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

- Nguyên nhân:

+ Là kết quả của đường lối phát triển nền kinh tế nhiều thành phần;

+ Tăng cường mở cửa, hội nhập với nền kinh tế của thế giới, áp dụng cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Vai trò của các thành phần kinh tế:

+ Kinh tế Nhà nước: giữ vai trò chủ đạo, bảo đảm ổn định vĩ mô, các cân đối lớn của nền kinh tế, định hướng chiến lược phát triển, giữ vững quốc phòng, an ninh; là nguồn lực quan trọng để chi phối, can thiệp kịp thời đáp ứng các yêu cầu đột xuất, cấp bách phát sinh.

+ Khu vực kinh tế ngoài Nhà nước: được khuyến khích phát triển. Đây là thành phần kinh tế phát huy nguồn lực trong nhân dân, tạo động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế của các địa phương và cả nước.

+ Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có vai trò lớn trong thu hút vốn đầu tư, công nghệ, phương thức quản lí hiện đại, góp phần thúc đẩy quá trình tham gia vào chuỗi giá trị sản xuất toàn cầu và hội nhập quốc tế.

3. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ

- Sự chuyển dịch:

+ Trên phạm vi cả nước, đã hình thành 6 vùng kinh tế - xã hội. Các khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, hành lang kinh tế,... được hình thành ở nhiều địa phương.

+ Các ngành kinh tế cũng có sự chuyển dịch theo hướng khai thác lãnh thổ có hiệu quả hơn.

• Trong nông nghiệp: hình thành và ngày càng mở rộng các vùng chuyên canh, khu nông nghiệp công nghệ cao, trang trại,...

• Trong công nghiệp: hình thành và phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao,...

• Trong dịch vụ: các hình thức tổ chức lãnh thổ được đa dạng hoá và phát triển theo hướng hiện đại.

- Nguyên nhân:

+ Là kết quả của sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành và theo thành phần kinh tế ở nước ta.

+ Hướng đến mục tiêu khai thác tốt hơn lợi thế của các lãnh thổ khác nhau, huy động được các nguồn lực để mang lại hiệu quả cao cả về kinh tế – xã hội và bảo vệ môi trường.

d) Tổ chức thực hiện: GV thực hiện kỹ thuật làm việc nhóm.

– Bước 1: GV chia lớp thành các nhóm và giao nhiệm vụ: HS hoàn thành bài tập của mình.

– Bước 2: Mỗi HS làm việc độc lập hoàn thành bài tập; sau đó về nhóm thảo luận, chia sẻ thông tin với các thành viên trong nhóm, thống nhất kết quả thảo luận, hoàn thiện bài tập.

– Bước 3: GV chỉ định đại diện mỗi nhóm trình bày kết quả thảo luận, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– Bước 4: GV đánh giá và tổng kết nội dung.

3. Hoạt động 3: Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu: Củng cố kiến thức đã học về chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Vẽ được biểu đồ về cơ cấu kinh tế.

b) Nội dung: GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi:

Câu 1. Cho bảng số liệu:

Số dân, GDP và thu nhập bình quân đầu người của nước ta giai đoạn 2010 – 2021

Tiêu chí	2010	2018	2021
Số dân *(triệu người)*	87,0	94,7	98,5
GDP *(nghìn tỉ đồng)*	2 739,8	70 090,4	84 874,8

Thu nhập bình quân đầu người một tháng *(nghìn đồng/người)*	1 387	3 874	4 673

a) Thu nhập bình quân đầu người một tháng của nước ta giai đoạn 2010 - 2021 tăng liên tục.

b) Quy mô dân số và GDP của nước ta giai đoạn 2010 - 2021 đều tăng, trong đó GDP có tốc độ tăng nhanh hơn.

c) Thu nhập bình quân đầu người một tháng của nước ta năm 2021 gấp 3,4 lần so với năm 2010.

d) Quy mô dân số của nước ta giai đoạn 2010 - 2021 giảm liên tục.

Câu 2. Cho bảng số liệu:

Số dân và GDP của nước ta giai đoạn 2010 – 2021

Tiêu chí	2010	2018	2021
Số dân *(triệu người)*	87,0	94,7	98,5
GDP *(nghìn tỉ đồng)*	2 739,8	70 090,4	84 874,8

a) Số dân của nước ta giai đoạn 2010 - 2021 tăng liên tục.

b) Quy mô dân số và GDP của nước ta giai đoạn 2010 - 2021 đều tăng, trong đó dân số có tốc độ tăng nhanh hơn.

c) GDP của nước ta năm 2021 gấp 31 lần so với năm 2010.

d) Biểu đồ đường là dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện số dân và GDP của nước ta giai đoạn 2010 – 2021.

Câu 3. Cho bảng số liệu:

Số dân và GDP của nước ta giai đoạn 2010 – 2021

Tiêu chí	2010	2018	2021
Số dân *(triệu người)*	87,0	94,7	98,5
GDP *(nghìn tỉ đồng)*	2 739,8	70 090,4	84 874,8

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính GDP bình quân đầu người của nước ta năm 2021. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của triệu đồng/người).

Câu 4. Dựa vào bảng 11, vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu GDP phân theo thành phần kinh tế ở nước ta năm 2010 và năm 2024. Nêu nhận xét.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

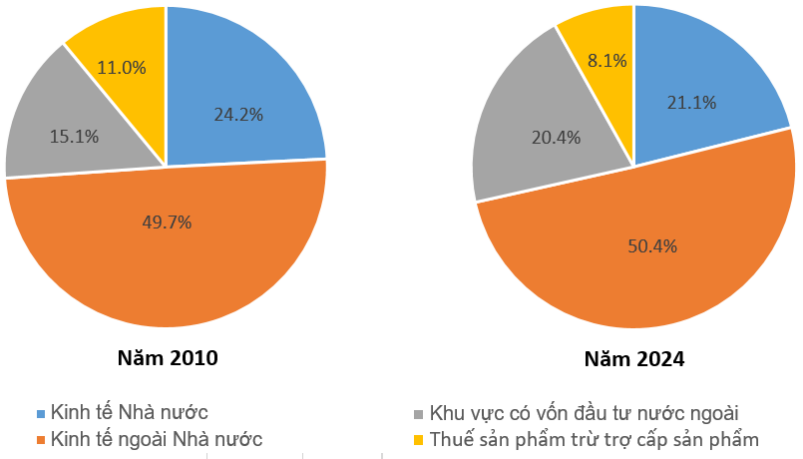
Câu 1. Đáp án: a,b,c đúng; d : sai.

Câu 2. Đáp án: a,c đúng; b,d : sai.

Câu 3. Đáp án: 31 triệu đồng.

Câu 4.

- Vẽ biểu đồ:



Biểu đồ thể hiện cơ cấu GDP phân theo thành phần kinh tế ở nước ta năm 2010 và năm 2024

- Nhận xét: Cơ cấu GDP phân theo thành phần kinh tế có sự chuyển dịch tích cực:

+ Kinh tế Nhà nước giảm 3,1%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm giảm 2,9%.

+ Kinh tế ngoài Nhà nước tăng 0,7%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 5,3%.

d) Tổ chức thực hiện: GV thực hiện kĩ thuật chia sẻ cặp đôi.

– Bước 1: GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi.

– Bước 2: HS thảo luận để trả lời câu hỏi.

– Bước 3: GV mời một số HS trình bày, HS khác bổ sung.
– Bước 4: GV nhận xét, đánh giá.

4. Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu: Vận dụng được kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề thực tiễn.

b) Nội dung: GV yêu cầu HS: Sưu tầm thông tin, tìm hiểu về vai trò của một hình thức tổ chức lãnh thổ kinh tế ở nước ta.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Vai trò của Khu kinh tế cửa khẩu - Góp phần thúc đẩy mở rộng thị trường xuất nhập khẩu hàng hóa, thúc đẩy quá trình chuyển dịch nền kinh tế tự cung tự cấp sang nền kinh tế sản xuất hàng hóa, tạo ra sự phát triển ở các vùng để hình thành khu vực thị trường rộng lớn có khả năng thu hút và thâm nhập với các khu vực thị trường khác. Đem lại nhiều cơ hội việc làm cho người lao động không chỉ ở khu vực cửa khẩu mà còn ở các vùng lân cận. Trao đổi thương mại thông qua các khu kinh tế cửa khẩu theo đó gia tăng, góp phần phát triển sản xuất trong nước. - Thúc đẩy phát triển công nghiệp, dịch vụ, du lịch và hoàn thiện kết cấu hạ tầng khu vực cửa khẩu, biên giới; Tạo môi trường thuận lợi thu hút đầu tư; Phát triển khoa học công nghệ; Hợp tác liên doanh, chuyển giao công nghệ với các doanh nghiệp trong và ngoài nước. - Góp phần tăng trưởng kinh tế, xóa đói giảm nghèo; Thúc đẩy hợp tác kinh tế - thương mại, xây dựng mối quan hệ hữu nghị bền vững với nước bạn: Sự hình thành và phát triển của các khu kinh tế cửa khẩu thúc đẩy phát triển ngành nghề sản xuất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm và thu nhập cho người dân, góp phần xóa đói giảm nghèo, đời sống nhân dân theo đó từng bước được nâng lên. - Sự phát triển khu kinh tế cửa khẩu còn tạo điều kiện hình thành các khu dân cư tập trung dọc biên giới, góp phần đẩy mạnh giao lưu kinh tế văn hóa, quốc phòng an ninh khu vực biên giới, thắt chặt tình hữu nghị giữa các quốc gia, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập kinh tế khu vực và thế giới,…

d) Tổ chức thực hiện:

– Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS về nhà làm việc, gợi ý những nguồn thông tin tham khảo.
– Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.
– Bước 3: HS nộp bài lên nhóm lớp.
– Bước 4: GV nhận xét bài làm của HS.

C. Hướng dẫn về nhà

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.
- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.
- Chuẩn bị bài mới: Bài 12: Vấn đề phát triển ngành nông nghiệp.